TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 3 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1985, địa chỉ: thôn X, xã X, huyện T, tỉnh T; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985, địa chỉ: thôn X, xã X, huyện T, tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh D tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang, huyện T vào ngày 21/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc vì luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình. Đến tháng 7/2021 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nên chị về

nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, chị khẳng định mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do anh D khó có con, nếu muốn có con thì phải đi chạy chữa nhiều mà điều kiện kinh tế của gia đình không cho phép.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày: Chị Đ và anh D tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang, huyện T vào ngày 21/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến ngày 07/7/2021 không biết vì lý do gì mà chị Đ về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì to tát, về việc khó có con thì anh trình bày là sẽ đi chữa trị, trong bản lấy lời khai anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh được đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay anh trình bày là không đồng ý ly hôn nhưng cũng không phản đối việc chị Đ xin ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2021, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn D có quan hệ là vợ chồng, có ĐKHKTT tại thôn X, xã X, huyện T; chị Đ và anh D không có con chung. Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì chưa có lần nào vợ chồng yêu cầu UBND xã hòa giải vì mâu thuẫn của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Không xem xét. Về tài sản: không xem xét. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Đ khởi kiện đề nghị giải quyết cho xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn D, cư trú tại: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh T; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2011, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh D là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh D với lý do trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp và luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và do anh D khó có con; từ khoảng tháng 7năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã ly thân đến nay không còn qua lại quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh D không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Đ, xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn D đều xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Đ đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014016 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Lê Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T
- - Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND xã X, H. T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đức